

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: ngày tháng 4 năm 2026 của UBND xã Sơn Tiến)

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	179.459.112.598	TỔNG SỐ CHI	178.995.115.927
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	208.931.624	I. Chi đầu tư phát triển	28.962.910.955
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	15.208.527.523	II. Chi thường xuyên	140.142.029.881
III. Thu bổ sung	151.863.624.490	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	9.421.859.091
- Bổ sung cân đối	102.341.667.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	468.316.000
- Bổ sung có mục tiêu	49.521.957.490		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước			
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	12.178.028.961		
Kết dư ngân sách	463.996.671		

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: ngày tháng 4 năm 2026 của UBND xã Sơn Tiến)

ĐVT: Đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán 2025		Quyết toán		So sánh	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
	TỔNG THU	124.199.000.000	105.767.000.000	201.249.244.105	179.459.112.598		
I.	Các khoản thu 100%	328.000.000	328.000.000	297.505.204	208.931.624	90,70	63,70
1	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	145.000.000	145.000.000	51.425.000	51.425.000		
2	Phí ,lệ phí	78.000.000	78.000.000	124.323.000	89.974.000		
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			733.180	733.180		
4	Thu khác ngân sách	105.000.000	105.000.000	121.024.024	66.799.444		
III.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm	21.529.000.000	3.097.000.000	36.525.775.450	15.208.527.523	169,66	491,07
1	Thu từ khu vực DNNN	5.000.000					
2	Thuế giá trị gia tăng TNDN	1.018.000.000	298.000.000	2.019.141.769	855.809.018		
3	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	2.000.000	1.000.000	4.200.000	2.100.000		
4	Lệ phí trước bạ	3.491.000.000	284.000.000	2.220.306.642	196.472.457		
5	Thuế thu nhập cá nhân	570.000.000		669.894.429			
6	Tiền sử dụng đất	16.360.000.000	2.514.000.000	31.136.508.385	14.011.428.780		
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản			466.120.640	139.836.192		
8	Tiền thuê đất, mặt nước	83.000.000		9.603.585	2.881.076		
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	102.342.000.000	102.342.000.000	151.863.624.490	151.863.624.490	148,39	148,39
	- Bổ sung cân đối	102.342.000.000	102.342.000.000	102.341.667.000	102.341.667.000		
	- Bổ sung có mục tiêu			49.521.957.490	49.521.957.490		
V	Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
VI	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			384.310.000			
VII	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang (nếu có)			12.178.028.961	12.178.028.961		

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN TIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: ngày tháng 4 năm 2026 của UBND xã Sơn Tiến)

ĐVT: Đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán 2025			Quyết toán			So sánh		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
	TỔNG CHI	105.767.000.000	2.514.000.000	103.253.000.000	178.995.115.927	28.962.910.955	150.032.204.972			145,31
	Trong đó									
1	Chi quốc phòng	1.128.000.000		1.128.000.000	1.593.066.400		1.593.066.400			141,23
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	180.000.000		180.000.000			688.948.000			
3	Sự nghiệp giáo dục	63.959.000.000		63.959.000.000	61.998.586.923		61.998.586.923			
4	Sự nghiệp y tế				53.352.000		53.352.000			
5	Sự nghiệp văn hoá, thông tin	261.000.000		261.000.000	565.037.000		565.037.000			216,49
6	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn	145.000.000		145.000.000			515.996.000			
7	Sự nghiệp thể dục thể thao	140.000.000		140.000.000	284.853.510		284.853.510			203,47
8	Chi bảo vệ môi trường	260.000.000		260.000.000	643.753.000		643.753.000			247,60
9	Sự nghiệp kinh tế	1.112.000.000		1.112.000.000	2.920.165.980		2.920.165.980			262,60
10	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	6.305.000.000		6.305.000.000	13.470.397.420		13.470.397.420			213,65
11	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	28.893.000.000		28.893.000.000	57.407.873.648		57.407.873.648			198,69
12	Chi khác	239.000.000		239.000.000	0		0			
13	Chi tiết kiệm ngân sách	0			0		0			
14	Dự phòng ngân sách	631.000.000		631.000.000	0		0			
15	Chi nộp ngân sách cấp trên				468.316.000		468.316.000			
16	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	0			9.421.859.091		9.421.859.091			

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN TIẾN

Biểu số 119/CK TC - NSNN

QUYẾT TOÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: ngày tháng 4 năm 2026 của UBND xã Sơn Tiến)

Đơn vị: Đồng.

Tên Công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
Tổng số		97.309.329.000	-	75.406.628.655	28.962.910.955	28.962.910.955	28.962.910.955	
I- Các công trình chuyển tiếp		61.527.229.000		46.080.433.000	7.390.859.700	7.390.859.700	7.390.859.700	
Nhà vệ sinh giáo viên Trường mầm non Sơn Tiến (điểm chính)	27/5/2020-26/7/2020	249.983.000		242.459.000	42.459.000	42.459.000	42.459.000	
Nhà vệ sinh học sinh trường tiểu học xã Sơn Tiến	20/5/2020-22/7/2020	249.983.000		242.459.000	42.459.000	42.459.000	42.459.000	
Đường giao thông khu dân cư nông thôn vùng Cồn Khẩu	11/6/2022-10/8/2022	714.801.000		602.131.000	69.231.000	69.231.000	69.231.000	
Cải tạo đường GT thôn Tiến Thịnh, thôn Cây Da xã An Hòa Thịnh	18/6/2024-18/8/2024	753.000.000		753.000.000	59.879.000	59.879.000	59.879.000	
Đường GT rãnh thoát nước xã An Hòa Thịnh năm 2024	8/8/2024-08/10/2024	865.629.000		840.862.000	19.972.000	19.972.000	19.972.000	
Nhà học 2 tầng 8 phòng trường tiểu học xã Sơn Lễ		3.570.543.000		3.294.000.000	153.057.000	153.057.000	153.057.000	
Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Động Eo, xã Sơn Tiến	9/2020-11/2020	960.429.000		900.137.000	16.137.000	16.137.000	16.137.000	
Nhà giao dịch và các hạng mục phụ trợ điểm Bưu điện xã Sơn Tiến	10/2019-4/2020	595.320.000		576.000.000	28.293.000	28.293.000	28.293.000	
Cải tạo nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ nhà văn hóa thôn Lệ Định xã Sơn Tiến	10/2020-01/2021	330.000.000		311.000.000	39.099.000	39.099.000	39.099.000	
Cải tạo mái nhà học trường mầm non Sơn Tiến (Điểm lẻ thôn Hòa Tiến)	30/11/2024 - 30/12/2024	296.237.000		291.905.000	12.931.000	12.931.000	12.931.000	
Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ và các hạng mục phụ trợ xã Sơn Tiến	11/2024 -7/2025	14.500.000.000		2.376.940.000	1.676.993.000	1.676.993.000	1.676.993.000	

Nâng cấp, sửa chữa đèn Gôi Vị, thôn Trung Mỹ xã An Hòa Thịnh	30/6/2020-30/9/2020	751.050.000		687.353.000	472.970.000	472.970.000	472.970.000
Nâng cấp, sửa chữa kênh mương Hùm De xã An Hòa Thịnh	23/6/2023-23/8/2023	600.000.000		574.000.000	20.791.000	20.791.000	20.791.000
Đường GT liên thôn thôn Đức Vừ - Cao Thắng	T02/2020-T12/2020	14.900.000.000		14.050.000.000	429.314.000	429.314.000	429.314.000
Nâng cấp cải tạo nhà văn hóa thôn Khe Cò	T03/2020-T5/2020	799.367.000		731.000.000	17.136.000	17.136.000	17.136.000
Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa cộng đồng xã Sơn Lễ	T02/2020-T5/2020	804.797.000		747.853.000	7.600.000	7.600.000	7.600.000
San nền khu liên hợp thể thao xã Sơn Lễ	T5/2020-T7/2020	1.120.197.000		1.078.800.000	65.140.000	65.140.000	65.140.000
Nhà làm việc và các công trình phụ trợ Trụ sở công an xã Sơn Lễ	T01/2024-T01/2025	3.751.073.000		3.726.334.000	524.393.000	524.393.000	524.393.000
Cải tạo, nâng cấp vỉa hè đường giao thông đoạn qua UBND xã Sơn Lễ, huyện Hương Sơn	T4/2024-T7/2024	810.826.000		771.187.000	19.295.000	19.295.000	19.295.000
Nâng cấp kênh đập chính Khe Hồ xã Sơn Lễ	T12/2024-T12/2024	674.701.000		670.270.000	82.160.000	82.160.000	82.160.000
Khảo sát, lập quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất phân lô đất ở tại đồng Bút Chỉ, thôn Khe Cò, đồng Dung, thôn Đức Vừ xã Sơn Lễ	14/8/2023-26/9/2023	95.215.000		95.215.000	95.215.000	95.215.000	95.215.000
Cắm mốc quy hoạch đất ở ra thực địa phục vụ công tác giao đất tại đồng Dung, thôn Đức Vừ xã Sơn Lễ	22/8/2024-02/10/2024	175.591.000		175.591.000	175.591.000	175.591.000	175.591.000
Bồi thường hỗ trợ GPMB thực hiện quy hoạch điểm dân cư nông thôn tại xã Sơn Lễ	03/2025-6/2025	2.036.326.000		1.996.399.000	1.996.399.000	1.996.399.000	1.996.399.000
Cải tạo nhà Hiệu bộ và nền sân trường TH và THCS xã Sơn Lễ	T12/2018-T03/2019	1.187.401.000		1.103.650.000	48.716.000	48.716.000	48.716.000
Kênh mương nội đồng xã An Hòa Thịnh	06/12/23-21/01/24	913.000.000		910.000.000	39.805.000	39.805.000	39.805.000
Đường GTNĐ thôn Trung Mỹ, Đông Mỹ xã Sơn Hòa	10/02/2018-12/08/2018	3.022.784.000		2.035.380.000	91.409.700	91.409.700	91.409.700
Đường GTNĐ thôn Bình Hòa, thôn Giếng Thị xã Sơn Hòa	15/02/2018-15/08/2018	2.508.977.000		2.413.641.000	93.359.000	93.359.000	93.359.000
Cải tạo nhà học 2 tầng 8 phòng trường tiểu học xã Sơn Lễ và THCS Sơn Lễ		1.200.000.000		1.130.000.000	64.710.000	64.710.000	64.710.000

Cải tạo Nhà học 2 tầng và khuôn viên Trường Tiểu học, THCS xã Sơn Lễ.	T12/2019-T04/2020	1.200.000.000		1.115.150.000	48.310.000	48.310.000	48.310.000
Quy hoạch mặt bằng sử dụng đất Nghĩa trang Rủ Nại, Đồng Mậu, Rú Bụt, Tháp Bụt xã An Hòa Thịnh	09/11/2023-09/12/2023	343.293.000		234.147.000	234.147.000	234.147.000	234.147.000
Cải tạo san lấp mặt bằng ruộng đồng nấy, Trại Dầu xã An Hòa Thịnh	04/12/2024-06/01/2025	736.000.000		682.000.000	666.889.000	666.889.000	666.889.000
Hàng rào, mương thoát nước, sân khấu khu liên hợp thể thao xã Sơn Lễ	15/7/2021-15/9/2021	810.706.000		721.570.000	37.000.000	37.000.000	37.000.000
II- Các công trình khởi công mới		35.782.100.000		29.326.195.655	21.572.051.255	21.572.051.255	21.572.051.255
Đường giao thông thôn Tân Tiến xã Sơn Tiến	13/5/2025-13/6/2025	800.000.000		703.407.000	673.548.500	673.548.500	673.548.500
Đường giao thông nội đồng thôn Đức Vừ, xã Sơn Lễ, huyện Hương Sơn	16/6/2025-30/7/2025	1.200.000.000		1.199.999.000	1.093.288.000	1.093.288.000	1.093.288.000
Kênh mương nội đồng xã Sơn Lễ	19/5/2025-18/6/2025	657.930.000		650.000.000	650.000.000	650.000.000	650.000.000
Kênh mương nội đồng thôn Trung Lễ, Tây Nam xã Sơn Lễ	21/6/2025-20/9/2025	1.040.744.000		1.000.000.000	994.420.000	994.420.000	994.420.000
Nâng cấp kênh mương nội đồng xã Sơn Tiến	08/5/2025-08/6/2025	825.000.000		800.663.000	787.176.000	787.176.000	787.176.000
Cải tạo, sửa chữa nhà học 02 tầng 12 phòng và nhà hiệu bộ Trường THCS Nguyễn Khắc Viện xã An Hòa Thịnh	14/5/2025-13/9/2025	3.000.000.000		3.000.000.000	2.803.614.000	2.803.614.000	2.803.614.000
Đường giao thông thôn Trung Tiến xã Sơn Tiến		233.488.000		231.655.000	231.655.000	231.655.000	231.655.000
Nâng cấp Kênh tiêu vùng Đồng Nấy - Trại Dầu xã An Hòa Thịnh		1.145.289.000		2.277.796.000	1.138.898.000	1.138.898.000	1.138.898.000
Đường giao thông thôn Thiên Nhân xã Sơn Tiến-An Hòa Thịnh	19/4/2025 - 19/7/2025	2.500.000.000		2.459.664.655	2.459.664.655	2.459.664.655	2.459.664.655
Cải tạo san lấp mặt bằng thực hiện tích tụ ruộng đất xã Sơn Tiến	28/02/2025 - 28/03/2025	229.189.000		210.245.000	210.245.000	210.245.000	210.245.000
Cải tạo, sửa chữa nhà Hạ điện và các hạng mục phụ trợ đền Gôi Vị xã An Hòa Thịnh	28/5/2025-28/6/2025	416.784.000		390.869.000	390.869.000	390.869.000	390.869.000
Đường GTNT xã Sơn Tiến Năm 2025	6/2025	394.137.000		387.620.000	121.472.100	121.472.100	121.472.100

Kênh mương đồng mồi thôn Đại Thịnh xã An Thịnh		498.494.000		473.160.000	473.160.000	473.160.000	473.160.000
Xây dựng Đài Truyền thanh cơ sở ứng dụng Công nghệ thông tin - viễn thông xã Sơn Lễ	T01/2025-T03/2025	997.498.000		986.562.000	540.616.000	540.616.000	540.616.000
Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 2 tầng trụ sở UBND xã Sơn Lễ, huyện Hương Sơn	T03/2025-T6/2025	293.006.000		289.315.000	289.315.000	289.315.000	289.315.000
Cầu Nờ xã Sơn Tiến	12/12/2025-12/6/2026	7.000.000.000		3.500.000.000	864.856.000	864.856.000	864.856.000
Nâng cấp đường trục chính xã Sơn Tiến đoạn từ ngã ba đến giao đường ADB	26/11/2025-31/12/2025	4.500.000.000		3.000.000.000	696.461.000	696.461.000	696.461.000
Cải tạo trụ sở làm việc, hội trường UBND xã Sơn Tiến	26/11/2025-26/3/2026	2.300.000.000		1.686.000.000	1.110.600.000	1.110.600.000	1.110.600.000
Tích tụ ruộng đất khu vực thôn Đông Hà xã Sơn Tiến	26/11/2025-31/12/2025	1.219.321.000		1.158.000.000	1.157.833.000	1.157.833.000	1.157.833.000
Cải tạo, sửa chữa các trường Tiểu học, THCS trên địa bàn xã Sơn Tiến	26/11/2025-31/12/2025	2.200.000.000		2.168.000.000	2.144.513.000	2.144.513.000	2.144.513.000
Đường giao thông và kênh mương nội đồng xã Sơn Tiến	26/11/2025-31/12/2025	2.300.000.000		2.256.000.000	2.242.607.000	2.242.607.000	2.242.607.000
Đường giao thông và rãnh thoát nước theo cơ chế xi măng xã Sơn Tiến năm 2025	15/10/2025-31/12/2025	2.031.220.000		497.240.000	497.240.000	497.240.000	497.240.000

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC
(Kèm theo Quyết định số: ngày tháng 4 năm 2026 của UBND xã Sơn Tiến)

Đơn vị: Đồng.

Nội dung	DỰ ĐẦU KỲ	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
		Thu	Chi	Chênh lệch	Thu	Chi	Chênh lệch
Tổng số chi		227.887.000	227.887.000	-	227.887.000	67.800.000	-
I- Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	257.000	227.887.000	227.887.000	-	227.887.000	67.800.000	-
1. Quỹ An Ninh Quốc Phòng				-	-		-
2. Quỹ Đền ơn đáp nghĩa		73.051.000	73.051.000		73.051.000		
3. Quỹ Bảo trợ trẻ em	123.000	94.441.000	94.441.000		94.441.000		
4. Quỹ phòng chống thiên tai	134.000	60.395.000	60.395.000		60.395.000	67.800.000	
II- Các hoạt động sự nghiệp		-	-	-	-		-

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ